

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2024/DS-PT

Ngày: 22/7/2024

V/v “*Tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng
Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 418/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Tổ F, Ấp A, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn ông Thái Văn T trình bày:** Nguyên trước đây vào ngày 28/9/2019 (AL) ông Thái Văn T có cho bà Nguyễn Thị Đ vay 500.000.000đ lãi suất 3%/tháng. Tính đến ngày 15/01/2020 thì bà Đ trả tiền vốn cho anh T được 460.000.000đ, còn nợ lại 40.000.000đ, trong thời gian vay thì bà Đ không có

đóng lãi cho anh T. Sau đó, bà Đ có làm biên nhận xác nhận nợ vốn gốc là 40.000.000đ và tiền lãi là 40.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ. Đến ngày 26/3/2020 thì bà Đ có trả cho anh T 10.000.000đ, còn lại 70.000.000đ, đến nay thì bà Đ không có trả cho anh T lần nào nữa.

Nay anh T yêu cầu bà Đ trả cho anh T số tiền 70.000.000đ còn lại.

* **Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:** Bà Đ thừa nhận có vay của anh T số tiền 500.000.000đ, lãi suất 10%/tháng. Bà Đ có đóng lãi cho anh T như thỏa thuận, mỗi tháng 50.000.000đ, đóng được 07 tháng với số tiền là 350.000.000đ nhưng không làm biên nhận, cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Bà Đ cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi 350.000.000đ mà bà Đ đã đóng cho ông T. Đến tháng 4/2020, bà Đ trả được cho anh T số tiền 460.000.000đ, còn nợ lại 40.000.000đ và tiền lãi là 40.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ. Đến ngày 15/01/2021, bà Đ có trả cho anh T 10.000.000đ, còn nợ lại 70.000.000đ. Nay bà Đ không đồng ý trả số tiền 70.000.000đ cho anh T, do anh T chửi bà Đ.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Thái Văn T số tiền 46.600.000đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.330.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

+ Ông Thái Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.170.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000715, ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho ông Thái Văn T số tiền tạm ứng còn lại là 580.000đ

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2024, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Thái Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đều trình bày thống nhất là trước đây bà Đ có vay của anh T số tiền 500.000.000đ. Anh T thì cho rằng sau đó khoảng 02 tháng thì bà Đ trả cho anh T được 460.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 40.000.000đ tiền gốc; cộng với số tiền lãi được tính là 40.000.000đ nên bà Đ viết biên nhận còn nợ anh T 80.000.000đ, đến ngày 26/3/2020 thì bà Đ có trả cho anh T được 10.000.000đ, còn lại 70.000.000đ và đến nay bà Đ không có trả cho anh T lần nào nữa, nên nay anh T yêu cầu bà Đ trả cho anh T số tiền 70.000.000đ còn lại. Bà Đ thì cho rằng lãi suất vay là 10%/tháng và sau khi vay 500.000.000đ bà đóng lãi được 07 tháng với số tiền là 350.000.000đ và đến tháng 4/2020, bà mới trả cho anh T 460.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 40.000.000đ và tiền lãi là 40.000.000đ; đến ngày 15/01/2021, bà Đ có trả cho anh T 10.000.000đ, còn nợ lại 70.000.000đ. Tuy nhiên, lời trình bày trên của bà Đ về việc đã đóng lãi cho anh T 07 tháng với số tiền lãi là 350.000.000đ không được anh T thừa nhận và bà Đ cũng không có chứng cứ gì để chứng minh; mặt khác, trường hợp bà Đ đã đóng đến tháng 4/2020 được 07 tháng với số tiền là 350.000.000đ thì bà Đ đã đóng lãi cho anh T đầy đủ chứ không còn nợ lại tiền lãi 40.000.000đ. vì vậy lời trình bày của bà Đ là không có cơ sở, còn lời trình bày của anh T là cơ sở.

Tuy nhiên đối với số tiền lãi, thì tại phiên tòa sơ thẩm anh T và bà Đ đều trình bày việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất, nhưng anh T thì trình bày lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, bà Đ cho rằng lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ đồng ý với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện này và như vậy số tiền lãi được tính = 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 tháng = 16.600.000 đồng, buộc bà Đ phải trả cho anh T 30.000.000đ tiền gốc và 16.600.000đ tiền lãi, tổng cộng là

46.600.000đ, là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.
- Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Thái Văn T số tiền 46.600.000đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.330.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

+ Ông Thái Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.170.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000715, ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho ông Thái Văn T số tiền tạm ứng còn lại là 580.000đ (Năm trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004265 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (đã nộp xong).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa